TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/DS-ST
Ngày: 25/7/2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Mỹ Dung;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Khảnh và ông Nguyễn Bá Tòng

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thái– Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thúy Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/TLST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-DS ngày 17/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2024/QĐST-DS ngày 04/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B. Địa chỉ: LPB Tower, số 210 đường T, phường Tr, quận H, thành phố H. Đại diện pháp luật: ông Hồ Nam Tđại diện theo ủy quyền: ông Trần Tấn V- Giám đốc chi nhánh Phú Yên. Địa chỉ: 197-199 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (theo quyết định số 97214/2023/QĐ-TGĐ ngày 11/7/2023). Ông Vinh ủy quyền lại cho ông Tạ Phạm Kim S (Giấy ủy quyền số 14/2023/GUQ-LBP.PY ngày 22/8/2023). Có mặt.

Bị đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1991; Nguyễn Hữu M, sinh năm 1989. Địa chỉ: Khu phố P, phường H, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày: Ngày 25/9/2020, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Hữu M là vợ chồng, có vay tại Ngân hàng TMCP B theo hợp đồng tín dụng số HTD 60020201562 với số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Mục đích vay: tiêu dùng; phương thức cho vay: Từng lần; thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày 26/9/2020 đến ngày 25/9/2023; lãi suất cho vay là 8,5%/năm áp dụng cố định suốt thời gian vay; kỳ hạn trả nợ gốc là vào ngày 20 hàng tháng. Số tiền phải trả từ tháng thứ 1 đến tháng thứ 35 là: 2.780.000 đồng; số tiền tháng thứ 36 phải trả là: 2.700.000

đồng.

Kể từ ngày 21/2/2023, bên vay vốn đã không thực hiện đúng cam kết đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết, không trả nợ gốc và nợ lãi vay đúng hạn. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở khách hàng nhưng vẫn không đóng, tính đến ngày 02/3/2023 khoản vay của khách hàng đã chuyển nhóm nợ 2.

Nay Ngân hàng khởi kiện, buộc bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Hữu M phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết, tính đến ngày 25/7/2024 số tiền 31.254.503 đồng (trong đó: dư nợ gốc quá hạn: 22.109.943 đồng; nợ lãi trong hạn: 5.507.146 đồng; lãi quá hạn là: 3.054.776 đồng; phạt chậm trả lãi: 582.638 đồng), và tiếp tục tính lãi, lãi phạt theo nội dụng hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi tất toán khoản vay.

* Quá trình giải quyết, bị đơn ông Nguyễn Hữu M trình bày: Ông M thừa nhận ông và Nguyễn Thị T trước đây là vợ chồng, có vay Ngân hàng Bhợp đồng số HTD 60020201562 với số tiền là 100.000.000 đồng và thừa nhận còn nợ, đồng ý trả nợ số tiền theo như Ngân hàng khởi kiện, nhưng do điều kiện khó khăn nên xin được trả dần hàng tháng.

Bị đơn Nguyễn Thị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, đồng thời không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Quá trình xác minh: Giữa ông Nguyễn Hữu M và Nguyễn Thị T đã ly hôn theo quyết định ly hôn số: 40/2023/HNGĐ ngày 19/6/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, quá trình ly hôn không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho Ngân hàng số tiền phát sinh từ hợp đồng vay là 31.254.503 đồng (trong đó: dư nợ gốc quá hạn: 22.109.943 đồng; nợ lãi trong hạn: 5.507.146 đồng; lãi quá hạn là: 3.054.776 đồng; phạt chậm trả lãi: 582.638 đồng), tính đến ngày 25/7/2024. Mỗi người phải có trách nhiệm trả ½ số nợ tương ứng số tiền: 15.627.251đồng. Trong đó: nợ gốc là 11.054.971 đồng; tiền lãi: 4.572.280 đồng; án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần B và bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Hữu M là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn có nơi cư trú tại Khu phố P, phường H, thị xã Đ tỉnh Phú Yên. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án nhân dân thị xã Đ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Hữu M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét hợp đồng vay tài sản: Ngày 25/9/2020, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Hữu M là vợ chồng, có vay tại Ngân hàng TMCP B theo hợp đồng tín dụng số HTD 60020201562 với số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Mục đích vay: tiêu dùng; phương thức cho vay: Từng lần; thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày 26/9/2020 đến ngày 25/9/2023; lãi suất cho vay là 8,5%/năm áp dụng cố định suốt thời gian vay; kỳ hạn trả nợ gốc là vào ngày 20 hàng tháng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, bị đơn có ký tên vay và đã ký nhận đủ số tiền vay là 100.000.000 đồng, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chứng minh thực tế có sự giao kết hợp đồng giữa Ngân hàng và bị đơn. Việc giao kết này dựa trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bị lừa dối, ép buộc; các bên đều có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự; Hợp đồng có hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại Điều 116, 117, 119 và Điều 401, 405 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 94, 95, 118 Luật các tổ chức tín dụng, Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, nên có hiệu lực với các bên tham gia.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã không thực hiện theo đúng cam kết, khi đến hạn, Ngân hàng đã nhiều lần ra thông báo nhắc nhở và thông báo thu hồi nợ nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngày 21/02/2023, Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn khoản vay nên trên. Như vậy, bị đơn đã vi phạm hợp đồng ký kết giữa hai bên về thời gian thanh toán nợ gốc và lãi.

[4.1] Về số tiền gốc: Căn cứ hợp đồng tín dụng kiêm khuế ước nhận nợ số HDTD60020201562, bị đơn đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 77.890.057 đồng cho 28 kỳ vay, tính đến ngày xét xử bị đơn còn nợ số tiền 22.109.943 đồng.

[4.2] Về số tiền lãi: Theo nội dung thỏa thuận hợp đồng tín dụng kiêm khuế ước nhận nợ số HDTD60020201562, lãi suất bị đơn phải chịu bao gồm lãi suất trong hạn: 8,5% năm áp dụng cố định trong suốt thời gian vay. Nếu bên vay chậm trả gốc và/hoặc lãi thì phải chịu lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn tính từ thời điểm chuyển nợ quá hạn; phạt chậm trả lãi là 10%/năm, là phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại Điều 3, Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng, phù hợp với các quy định tại Điều 357, Điều 648 Bộ luật Dân sự, do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bị đơn phải thanh toán lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng là: 9.144.560 đồng. Trong đó: nợ lãi trong hạn: 5.507.146 đồng; lãi quá hạn là:

3.054.776 đồng; lãi phạt lãi: 582.638 đồng.

[4.3] Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ và các giấy triệu tập tham gia các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải cũng như phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày đối với yêu cầu của Ngân hàng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Khoản 2 Điều 91, Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Hữu M thừa nhận việc vay tiền và trả lãi theo yêu cầu của Ngân hàng. Do đó, để đảm bảo cho quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng trong việc thu hồi nợ. Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bị đơn phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 31.254.503 đồng (trong đó: dư nợ gốc quá hạn: 22.109.943 đồng; nợ lãi trong hạn: 5.507.146 đồng; lãi quá hạn là: 3.054.776 đồng; phạt chậm trả lãi: 582.638 đồng). Bị đơn còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 25/7/2024 cho đến khi trả xong nợ.

[5] Về trách nhiệm trả nợ: Khi ký kết hợp đồng vay với Ngân hàng, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Hữu Mlà vợ chồng, mặc dù hiện nay bà T và ông M đã ly hôn, theo quyết định ly hôn số: 40/2023/HNGĐ ngày 19/6/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, ly hôn không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do đó, bà T và ông M phải cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 288 Bộ luật dân sự. Ông M, bà T mỗi người phải chịu trách nhiệm trả ½ khoản nợ tương ứng với số tiền 15.627.251đồng. Trong đó: nợ gốc là 11.054.971 đồng; tiền lãi: 4.572.280 đồng. Bị đơn ông Nguyễn Hữu M xin được trả dần hàng tháng, nhưng Ngân hàng có không đồng ý, do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hữu M.

[6] Về án phí: Bị đơn Nguyễn Thị T, Nguyễn Hữu M, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 781.362 đồng *(bảy trăm tám mươi mốt nghìn, ba trăm sau mươi hai đồng)*, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 695.000 đồng *(sau trăm chín mươi lăm nghìn đồng)* được nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007129 ngày 08/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 116, 117, 119, 288, 401, 405 429, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 94, 95, 118 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 9, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng

Thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Hữu M mỗi người phải chịu trách nhiệm trả ½ khoản nợ tương ứng với số tiền 15.627.251đồng. Trong đó: nợ gốc là 11.054.971 đồng; tiền lãi: 4.572.280 đồng, tính đến ngày 25/7/2024.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Hữu M, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 781.362 đồng *(bảy trăm tám mươi mốt nghìn, ba trăm sau mươi hai đồng),* hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 695.000 đồng *(sau trăm chín mươi lăm nghìn đồng)* được nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007129 ngày 08/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa.

3. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án/bản án niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Đông Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hòa;
- Đương sự trong vụ án;
- Lưu AV, HS

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thanh Khảnh **Nguyễn Bá Tòng** **Đoàn Thị Mỹ Dung**